TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu
2. Ông Đỗ Văn Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 675/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2020/QĐST – DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn P – sinh năm: 1979
Nơi cư trú: thôn T, xã t, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.
Bị đơn: Bà Đặng Thị L – sinh năm: 1980
Nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.
Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt**.**

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn là ông Đặng Văn P và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đều trình bày:

Ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L tự nguyện tìm hiểu tổ chức kết hôn và sống chung với nhau vào năm 1998 đến năm 2000 thì có con chung nhưng do không

hiểu biết về pháp luật nên vợ chồng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng về tính tình cũng như quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn chính là cách cư xử trong cuộc sống gia đình cũng như trong mối quan hệ gia đình hai bên nên từ đó vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc giúp đở từ đó tình cảm nhạt phai và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013. Nay tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L nhưng do không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận ông P, bà L là vợ chồng để được ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Đặng Tiến D – sinh ngày 13/12/2000 và Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005. Người con tên Đặng Tiến D đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với người con tên Đặng Quốc D hiện nay đang sống với ông P nên sau khi ly hôn ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Quốc D và không yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Đặng Văn P chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông Đặng Văn P xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đặng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị L và ông Đặng Văn P tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 1998 đến năm 2000 thì có con chung nhưng vợ chồng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn về tính tình và cách sống, cũng như tiền bạc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 08 năm. Nay ông P làm đơn yêu cầu ly hôn, bà L đồng ý ly hôn với ông P vì thực tế vợ chồng cũng không còn sống chung nhưng do bà L với ông P không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận bà L với ông P là vợ chồng và bà L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo Biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020 cũng như có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Bà Đặng Thị L và ông Đặng Văn P có 02 người con chung tên Đặng Tiến D – sinh ngày 13/12/2000 và Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005.

Người con tên Đặng Tiến D đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con tên Đặng Quốc D, sau khi ly hôn bà L đồng ý để ông P được trực tiếp nuôi con và bà chưa cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị L chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà Đặng Thị L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà L chung sống như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn là không đúng quy định pháp luật nay ông P làm đơn yêu cầu ly hôn và bà L cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận ông P và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông P và bà L có 02 người con tên Đặng Tiến D – sinh ngày 13/12/2000 và Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005.

Người con tên Đặng Tiến D đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con Đặng Quốc D, bà L đồng ý để ông P được trực tiếp nuôi con, hiện nay cháu D đang sống với ông P nên sau khi ly hôn ông P được trực tiếp nuôi con, do ông P chưa có yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Ông P, bà L chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông P, bà L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Ông P phải chịu án phí và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Văn P làm đơn khởi kiện ly hôn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông P và bà L là vợ chồng. Bà L là bị đơn trong vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" có nơi cư trú tại thôn Tiến An, xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngày 24/12/2020 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2020/QĐST – DS ngày 24/12/2020 cho bị đơn tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2020 bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đã có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 174, Điều 175, Điều 177; Điều 227, Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

3/ Nội dung tranh chấp**:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn từ đó vợ chồng mặc ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa và đã sống ly thân từ năm 2013, nên ông P làm đơn ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận ông P với bà L là vợ chồng.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Vợ, chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

2. Cấm vợ, chồng có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau".

Khoản 01 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn".

Khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận việc ông P trình bày về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn của vợ chồng là đúng sự thật hiện nay tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L và ông P được ly hôn theo quy định pháp luật.

Từ những lý do trên Hội đồng xét xử, xét thấy việc ông P làm đơn yêu cầu ly hôn bà L là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu

ly hôn của ông P là phù hợp với Điều 14, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L có 02 người con tên Đặng Tiến D – sinh ngày 13/12/2000 và Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005.

Người con tên Đặng Tiến D đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con Đặng Quốc D, sau khi ly hôn ông P muốn được tiếp tục nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Đặng Quốc D, đang được ông P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại ông P có nơi cư trú, công việc thu nhập ổn định, tại bản tự khai cháu D vẫn có nguyện vọng được ông P nuôi dưỡng, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án bà L cũng đồng ý giao con cho ông P nuôi dưỡng và nếu căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con thì việc giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và bà L có quyền thăm nom con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông P chưa có yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà L chung sống như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận ông P và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông P và bà L có 02 người con tên Đặng Tiến D – sinh ngày 13/12/2000 và Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005.

Người con tên Đặng Tiến D đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con Đặng Quốc D, bà L đồng ý để ông P được trực tiếp nuôi con, hiện nay cháu D đang sống với ông P nên sau khi ly hôn ông P được trực tiếp nuôi con, do ông P chưa có yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Ông P, bà L chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông P, bà L xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

Về án phí và quyền kháng cáo: Ông P phải chịu án phí và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục cũng như nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

5/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông P là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ông P có quyền kháng cáo. Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng :

- Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 5, Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn P.

2.1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị L là vợ chồng.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2/ Về con chung: Công nhận ông Đặng Văn P bà Đặng Thị L có 02 người con tên Đặng Tiến D – sinh ngày 13/12/2000 và Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005.

Người con tên Đặng Tiến D đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Giao người con tên Đặng Quốc D – sinh ngày 04/5/2005, cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đặng Văn P chưa có yêu cầu bà Đặng Thị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bà L có quyền thăm nom con. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L và ngược

lại vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Ông Đặng Văn P bà Đặng Thị L chưa có yêu cầu chia tài sản chung.

2.4. Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông Đặng Văn P bà Đặng Thị L cùng khai không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

3/ Về án phí: Theo quy định khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông P chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008282 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/01/2021) ông P có quyền kháng cáo. Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND tp Phan Thiết
Người tham gia tố tụng
Thi hành án thành phố Phan Thiết
Lưu hồ sơ.

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN LƯU TRIỀU